TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KBANG-TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **04**/2021/HNGĐ-ST.
Ngày: 30/6/2021.
"V/v: Ly hôn giữa chị M và anh S"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KBANG,TỈNH GIA LAI

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lê Văn Nguyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Thi.
2. Bà Võ Thị Cảnh.

-Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Lê - Thư ký Toà án nhân dân (TAND) huyện Kbang, tỉnh Gia Lai.

Trong ngày 30/6/2021, tại trụ sở TAND huyện Kbang, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình (HN&GĐ) thụ lý số: 74/2021/TLST-HNGĐ ngày 22/4/2021 về tranh chấp: ***"Kiện xin ly hôn, yêu cầu giải quyết về con chung"*** theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2021/QĐST-HNGĐ ngày 07/6/2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Võ Thị M, sinh năm 2001;
Địa chỉ: Thôn 1, xã N, huyện K, tỉnh G.
- *Bị đơn:* Anh Võ Thanh S, sinh năm 1996;
Địa chỉ: Thôn 1, xã N, huyện K, tỉnh G.

Chị M và anh S vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Võ Thị M và anh Võ Thanh S qua thời gian quen biết, tìm hiểu đã tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn (ĐKKH) tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã Nghĩa An, huyện Kbang, tỉnh Gia Lai vào ngày 16/5/2019.

Quá trình chung sống, vợ chồng anh chị đã phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo chị M trình bày là do anh chị không hợp tính tình nhau, chung sống với nhau nhưng không có tình cảm nên thường xuyên xảy ra cãi vã; anh S không lo làm ăn, không quan tâm đến cuộc sống gia đình, không có trách nhiệm đối với con cái, từ khi chị sinh con cho đến nay anh S không hề quan tâm, lo lắng cho mẹ con chị.

Chị thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị và anh S được ly hôn với nhau.

Về phía anh S thì anh cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị M vì giữa anh và chị M đã phát sinh nhiều mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân mâu thuẫn phần lớn là do vợ chồng không hợp tính tình nhau, khác nhau về quan điểm sống, khác nhau trong suy nghĩ, trong cách sống của mỗi người dẫn đến vợ chồng không tôn trọng nhau, không còn tình cảm với nhau nên thường xuyên xảy ra cãi vả, xô xát; hiện anh chị sống ly thân với nhau đã hơn 1 năm nay.

2.Về con chung: Chị M và anh S có 01 con chung tên Võ Huyền A, sinh ngày 06/9/2019. Sau khi ly hôn, chị M có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu A cho đến khi cháu trưởng thành, có khả năng lao động; chị không yêu cầu anh S phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Anh S cũng đồng ý với đề nghị của chị M về giải quyết nuôi con chung sau khi ly hôn.

3. Về tài sản chung và nợ chung*:* Chị M và anh S không có tài sản chung và nợ chung nên anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Các tài liệu, chứng cứ được nguyên đơn giao nộp, gồm: 01 Giấy ĐKKH mang tên Võ Thị M-Võ Thanh S *(bản chính)*, 01 Trích lục khai sinh mang tên Võ Huyền Anh *(bản sao)* và 01 Sổ hộ khẩu gia đình đứng tên chủ hộ Võ Bính *(bản sao)*.

Các tài liệu, chứng cứ được bị đơn giao nộp, gồm: 01 CMND mang tên Võ Thanh S *(bản photo)*.

Các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh: Anh S và chị M tự nguyện tiến tới hôn nhân, có ĐKKH tại UBND xã Nghĩa An, huyện Kbang, tỉnh Gia Lai vào ngày 16/5/2019; anh chị có 01 con chung tên Võ Huyền A, sinh ngày 06/9/2019. Điều này được thể hiện qua chứng cứ do chị M giao nộp là Giấy ĐKKH mang tên Võ Thị M-Võ Thanh S *(bản chính)*, Giấy khai sinh mang tên Võ Huyền Anh *(bản sao)*.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] ***Về tố tụng dân sự:*** Chị Võ Thị M có đơn khởi kiện đề nghị TAND huyện Kbang, tỉnh Gia Lai giải quyết tranh chấp hôn nhân và gia đình giữa chị và anh Võ Thanh S. Theo quy định tại khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS) năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện Kbang, tỉnh Gia Lai.

[2] ***Về quan hệ hôn nhân:*** Chị M và anh S tự nguyện tiến tới hôn nhân, có ĐKKH tại UBND xã Nghĩa An, huyện Kbang, tỉnh Gia Lai vào ngày 16/5/2019 nên quan hệ hôn nhân của anh chị được pháp luật công nhận.

Quá trình chung sống, vợ chồng anh chị đã xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo chị M và anh S trình bày là do anh chị không hợp tính tình nhau, chung sống với nhau nhưng không có tình cảm; hai người khác nhau về quan điểm sống, khác nhau trong suy nghĩ, trong cách sống của mỗi người nên anh chị thường

xuyên xảy ra cãi vã, xô xát; hiện anh chị sống ly thân với nhau đã hơn 1 năm nay. Do mâu thuẫn vợ chồng đã thực sự trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn nên cả chị M và anh S đều đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn. Như vậy, xét mâu thuẫn vợ chồng giữa chị M và anh S đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được và anh chị cùng đồng thuận ly hôn nên cần căn cứ quy định tại các Điều 51 và 55 của Luật HN&GĐ năm 2014 để công nhận thỏa thuận thuận tình ly hôn cho anh chị.

[3] ***Về con chung:*** Chị M và anh S có 01 con chung tên Võ Huyền A, sinh ngày 06/9/2019. Sau khi ly hôn, anh chị đều đề nghị giao cháu A cho chị M nuôi dưỡng cho đến khi cháu trưởng thành, có khả năng lao động; do chị M không yêu cầu nên anh S không phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Xét đề nghị này của anh chị là phù hợp với quy định của pháp luật nên được HĐXX chấp nhận.

[4] ***Về tài sản chung và nợ chung:*** Chị M và anh S không có tài sản chung và nợ chung nên cùng không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, HĐXX không xem xét.

[5] ***Về án phí ly hôn sơ thẩm (LHST):*** Chị M phải chịu theo quy định là 300.000 đồng.

<u>Vì các lẽ trên,</u>

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 51, 55, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật HN&GĐ năm 2014;

- Căn cứ các Điều 28, 35, 93, 94, 143, 144, 147, 227, 228, 238 và 266 của BLTTDS năm 2015;

- Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thỏa thuận thuận tình ly hôn giữa chị Võ Thị M và anh Võ Thanh S.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Võ Huyền Anh, sinh ngày 06/9/2006 cho chị M trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng cho đến khi cháu Anh trưởng thành, có khả năng lao động; do chị M không yêu cầu nên anh S không phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi dưỡng con vẫn có quyền đến thăm nom con, người trực tiếp nuôi con không được cản trở nếu họ không lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con của người trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của con, trong trường hợp người trực tiếp nuôi con không đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con, theo yêu cầu của một hoặc hai bên, Toà án có thể quyết

định thay đổi người trực tiếp nuôi con. Hai đương sự đều có quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về án phí: Chị M phải chịu 300.000 đồng án phí LH-ST nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị M đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí Tòa án số: 0003724 ngày 22/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kbang, tỉnh Gia Lai; chị M đã nộp đủ án phí LH-ST.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật, hai đương sự có quyền làm đơn kháng cáo để yêu cầu TAND tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm./.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Gia Lai;
-VKSND Kbang;
-CCTHADS Kbang;
-Các đương sự;
-UBND cấp xã nơi ĐKKH;
-Lưu HSVA,VPTA.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Văn Nguyên

CÁC HỘI THẨM ND **THẨM PHÁN-CTPT**

Nơi nhận:
-TA tỉnh;
TÒA
-VKS KBang;
-THA KBang;
-Các đương sự;
-Lưu HS vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN

Lê Văn Nguyên